TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 31/2026/HS-PT
Ngày 29/01/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Phùng Anh Dũng, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 190/2025/TLPT-HS ngày 14/10/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2025/HS-ST ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa do có kháng cáo của các bị hại,

Bị cáo: Lại Thị Mỹ T**;** sinh ngày 02/4/1985; nơi sinh: Khánh Hòa; nơi thường trú: Tổ dân phố F, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Tổ dân phố F, phường N, tỉnh Khánh Hòa); chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là thôn B, xã T, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1954; có chồng là ông Nguyễn Tất T1, sinh năm 1976, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh K, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lại Thị Mỹ T*:* Luật sư Nguyễn Hoàng H1, Văn phòng L4, đoàn luật sư tỉnh K, có mặt.

Bị hại có kháng cáo:

1. ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1985; nơi cư trú: I T, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số I T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

2. bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

3. ông Trần Quế V, sinh năm 1985; nơi thường trú: Tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Tổ dân phố B, phường N, tỉnh Khánh Hòa); chỗ ở: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là Ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Quá trình giải quyết vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn là ông Đặng Trần T2, bà Lê Thị Tuyết N và bị đơn là bà Lại Thị Mỹ T, ông Nguyễn Tất T1, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa nhận thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nên đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K để điều tra. Quá trình điều tra đến nay xác định;

Lại Thị Mỹ T là nhân viên Công ty TNHH N7. Từ cuối năm 2019, để có tiền tiêu xài, trả nợ và kinh doanh bất động sản, T nói dối với bà Lê Thị Tuyết N, ông Trần Quế V và ông Nguyễn Văn K về việc T cần vay tiền làm đáo hạn ngân hàng cho người khác, chạy chỉ tiêu cho em gái làm đáo hạn ngân hàng, thời gian khoảng từ 03-07 ngày sau, T sẽ thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Do quen biết và tin tưởng lời nói của T, bà N, ông K, ông V đã nhiều lần chuyển tiền cho T. Tuy nhiên sau khi nhận được tiền, T không làm đáo hạn ngân hàng mà sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân, trả nợ, mua bất động sản, sử dụng chính số tiền đã nhận của bà N, ông K, ông V để trả lại cho họ nhằm mục đích tạo sự tin tưởng để họ tiếp tục chuyển tiền cho T cũng như che giấu hành vi của mình. Sự việc bắt đầu từ năm 2019 kéo dài đến đầu năm 2023 thì T mất khả năng chi trả. Cụ thể:

+ Đối với trường hợp ông Nguyễn Văn K:

Lợi dụng mối quan hệ là bạn học cấp 3 với Nguyễn Văn K, khoảng cuối năm 2021, T liên hệ với ông K và hỏi ông K có tiền thì đưa cho T để T làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng kiếm lời, đồng thời hứa hẹn 03 hoặc 07 ngày sau sẽ trả gốc và lãi đầy đủ với lãi suất trả là 0,3%/ngày/số tiền đáo hạn. Do có mối quan hệ bạn bè nên ông K tin tưởng đưa tiền để T làm đáo hạn ngân hàng. Do các lần đầu, T trả tiền gốc và lãi "làm đáo hạn ngân hàng" đầy đủ nên ông K tin tưởng tiếp tục nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của T số 0061001136491 mở tại Ngân hàng V1. Ngoài ra, T còn cung cấp thông tin của một số cá nhân mà T nói là nhân viên Ngân hàng thị xã N cụ thể là bà Lê Thị Tuyết N, bà Trần Thị L1 (sinh năm: 1982; trú: thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa), bà Nguyễn Thị Như Ý (sinh năm: 1978; trú: thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa) mục đích để ông K ngày càng tin tưởng, để khi cần tiền thì T nói ông K chuyển trực tiếp vào số tài khoản của những cá nhân nói trên.

Sau khi nhận tiền, T không làm bất cứ dịch vụ gì liên quan đến "đáo hạn ngân hàng" mà sử dụng để trả nợ vay ngoài xã hội, sử dụng một phần tiêu xài cá nhân, mua bất động sản hoặc lấy chính khoản tiền này chuyển ngược lại cho ông K và nói dối đây là tiền gốc, tiền lãi có được từ việc góp vốn làm đáo hạn ngân hàng để ông K tin tưởng tiếp tục đưa tiền, chuyển tiền cho mình, cũng như nhằm che giấu hành vi gian dối của bản thân. Cụ thể, từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2023, ông K đã chuyển tổng số tiền 183.772.380.508 đồng cho T để làm đáo hạn ngân hàng, trong đó:

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng V1 0061001136491 của bà T số tiền: 151.835.755.508 đồng *(một trăm năm mươi mốt tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm lẻ tám đồng).*

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng V1 1015936540 của bà Lê Thị Tuyết N tổng số tiền: 31.376.625.000 đồng *(ba mươi mốt tỷ ba trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng S 050082841587 của bà Trần Thị L1 số tiền: 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng).*

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng Á1 của bà Nguyễn Thị Như Ý số tiền: 160.000.000 đồng *(một trăm sáu mươi triệu đồng).*

Đồng thời T đã chuyển lại cho K tổng số tiền là 179.054.650.000 đồng *(một trăm bảy mươi chín tỷ không trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* và nói dối đây là tiền gốc, tiền lãi (thực tế đây là tiền gốc của ông K) có được từ việc góp vốn làm đáo hạn ngân hàng để K tin tưởng. Số tiền 4.717.700.000 đồng *(bốn tỷ bảy trăm mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)* còn lại (đã làm việc, thống nhất giữa K và T trừ số tiền 30.508 đồng *(ba mươi nghìn năm trăm lẻ tám đồng)* phí chuyển khoản) T chiếm đoạt để sử dụng vào các mục đích nêu trên.

+ Đối với trường hợp ông Trần Quế V:

Cũng do mối quan hệ quen biết là bạn học cấp 3 với ông V, T nói dối với V về việc đưa tiền cho T làm đáo hạn ngân hàng. Vì tin tưởng T, ông V đã nhiều lần chuyển vào số tài khoản ngân hàng V1 0061001136491 của T số tiền 8.915.000.000 đồng *(tám tỷ chín trăm mười lăm triệu đồng)* để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Nhưng sau khi nhận tiền, T không làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng mà sử dụng trả nợ vay, tiêu xài cá nhân, mua bất động sản. T đã chuyển lại cho ông V tổng số tiền là 6.128.380.000 đồng *(sáu tỷ một trăm hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng)* và nói dối đây là tiền gốc, tiền lãi (thực tế đây là tiền gốc của ông V) có được từ việc góp vốn làm đáo hạn ngân hàng để ông V tin tưởng. Số tiền 2.786.620.000 đồng *(hai tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)* còn lại T chiếm đoạt sử dụng vào các mục đích nêu trên.

+ Đối với trường hợp bà Lê Thị Tuyết N:

Tương tự như trường hợp của ông K và ông V, T đưa ra các thông tin gian dối về việc làm đáo hạn ngân hàng, đồng thời cũng cung cấp thông tin về các cá nhân mà T nói là nhân viên Ngân hàng thị xã N cụ thể là ông Trần Quế V, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Hữu Đ (sinh năm 1965; trú: Tổ dân phố F, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa), bà Nguyễn Thị Ánh N1 (sinh năm: 1985; trú: Tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa) mục đích để bà N tin tưởng, chuyển tiền cho T và những cá nhân do T chỉ định. Sau khi nhận được tiền, T sử dụng vào mục đích trả nợ xoay vòng, tiêu xài cá nhân, mua bất động sản và sử dụng chính số tiền trên trả lại cho bà N, hoàn toàn không có việc T sử dụng vào mục đích đáo hạn ngân hàng. Cụ thể, từ cuối năm 2019 đến tháng 12/2022, bà N đã chuyển tổng số tiền 91.709.806.400 đồng *(chín mươi mốt tỷ bảy trăm lẻ chín triệu tám trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm đồng)* cho T để làm đáo hạn ngân hàng, trong đó:

- Đưa trực tiếp cho T số tiền 4.790.000.000 đồng *(bốn tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng)* (không có giấy tờ thể hiện) và chuyển trực tiếp đến số tài khoản V1 0061001136491 của T số tiền 66.074.981.400 đồng *(sáu mươi sáu tỷ không trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn bốn trăm đồng).*

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng V1 của ông Nguyễn Văn K tổng số tiền: 19.130.000.000 đồng *(mười chín tỷ một trăm ba mươi triệu đồng).*

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng V1 0071003689314 của bà Nguyễn Thị Ánh N1 số tiền: 300.000.000 đồng *(ba trăm triệu đồng).*

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng V1 0061000975708 của ông Trần Quế V số tiền: 1.001.250.000 đồng *(một tỷ không trăm lẻ một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).*

- Chuyển trực tiếp đến số tài khoản ngân hàng V1 0061001010891 của ông Nguyễn Hữu Đ số tiền: 713.575.000 đồng *(bảy trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

T đã chuyển lại cho bà N tổng số tiền là 86.809.782.100 đồng *(tám mươi sáu tỷ tám trăm lẻ chín triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn một trăm đồng)* và nói dối đây là tiền gốc, tiền lãi (thực tế đây là tiền gốc của bà N) có được từ việc góp vốn làm đáo hạn ngân hàng. Số tiền 4.800.000.000 đồng *(bốn tỷ tám trăm triệu đồng)* còn lại (đã làm việc thống nhất giữa bà N và T trừ đi số tiền 24.300 đồng *(hai mươi bốn nghìn ba trăm đồng)* phí chuyển khoản) T chiếm đoạt để sử dụng vào các mục đích nêu trên.

Cơ quan điều tra tiến hành trích xuất dữ liệu điện thoại di động của Lại Thị Mỹ T, kết quả trích xuất được nội dung tin nhắn trong ứng dụng Zalo mà T đã trao đổi về việc đưa ra các thông tin gian dối đáo hạn ngân hàng để ông K, ông V, bà N tin tưởng mà đưa tiền, chuyển tiền cho T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K, Lại Thị Mỹ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của bản thân. Như vậy, Lại Thị Mỹ T đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của ông K số tiền 4.717.700.000 đồng *(bốn tỷ bảy trăm mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)*, ông V số tiền 2.786.620.000 đồng *(hai tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng),* bà N số tiền 4.800.000.000 đồng *(bốn tỷ tám trăm triệu đồng)*. Đây là số tiền thực tế Trâm chiếm đoạt của các cá nhân trên. Tổng số tiền T chiếm đoạt của 03 bị hại là 12.304.320.000 đồng *(mười hai tỷ ba trăm lẻ bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K xác định:

Cũng trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến đầu năm 2023, T vay mượn của bà Nguyễn Thị Ánh N1, bà Huỳnh Thị L2, bà Nguyễn Thị Như Ý, bà Trần Thị L1, bà Nguyễn Thị B để trả tiền xoay vòng, lấy tiền của người này trả cho người kia; ban đầu T lấy lý do trả nợ, làm đáo hạn ngân hàng sau đó T thanh toán đầy đủ gốc lãi số tiền vay. Các lần sau khi cần tiền, T liên hệ bà N1, bà L2, bà Ý, bà L1, bà B nói số tiền cần vay và có trả lãi gốc, đồng thời do mối quan hệ thân thiết với T nên bà N1, bà L2, bà Ý, bà L1, bà B đồng ý cho vay mà không quan tâm T sử dụng vào mục đích gì; cụ thể:

- Từ đầu năm 2021 đến cuối năm 2022, Lại Thị Mỹ T nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Ánh N1, số tiền từ 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* đến 600.000.000 đồng *(sáu trăm triệu đồng)*, sau 02 ngày T trả tiền gốc và tiền lãi bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản.

Hiện số tiền T chưa trả cho bà N1 là hơn 5.000.000.000 đồng *(năm tỷ đồng)* (gồm 3.998.397.000 đồng *(ba tỷ chín trăm chín mươi tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng)* và 28 cây vàng 96%).

- Từ đầu năm 2021 đến cuối năm 2022, Lại Thị Mỹ T nhiều lần vay tiền của bà Huỳnh Thị L2, sau 07 ngày T trả tiền gốc và tiền lãi bằng hình thức tiền mặt và chuyển khoản (trong đó có chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Hữu Đ là chồng bà L2). Hiện số tiền T chưa trả cho bà L2 là 8.000.000.000 đồng *(tám tỷ đồng)* và 04 cây vàng SJC.

- Từ năm 2020 đến đầu năm 2023, Lại Thị Mỹ T nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Như Ý, số tiền từ 30.000.000 đồng *(ba mươi triệu đồng)* đến 400.000.000 đồng *(bốn trăm triệu đồng)*, sau 1 tháng Trâm trả tiền gốc và tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản. Hiện số tiền T chưa trả cho bà Ý là 3.000.000.000 đồng *(ba tỷ đồng)*.

- Từ năm 2020 đến đầu năm 2023, Lại Thị Mỹ T nhiều lần vay tiền của bà Trần Thị L1, sau 01 tháng T trả tiền gốc và tiền lãi bằng hình thức chuyển khoản. Hiện số tiền T chưa trả cho bà L1 là 1.050.000.000 đồng *(một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)*.

- Từ năm 2020 đến đầu năm 2023, Lại Thị Mỹ T nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị B, số tiền từ 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* đến 300.000.000 đồng *(ba trăm triệu đồng)*, sau 03-07 ngày T sẽ trả tiền gốc và lãi bằng hình thức chuyển khoản. Hiện số tiền T chưa trả cho bà B là 3.450.000.000 đồng *(ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng)*.

Ngoài ra T còn vay 433.000.000 đồng *(bốn trăm ba mươi ba triệu đồng)* của bà Nguyễn Thị N2 để trả tiền vay cho các cá nhân trên.

Bà N3, bà L2, bà Ý, bà L1, bà B, bà N2 đều xác định việc cho Lại Thị Mỹ T vay mượn tiền là quan hệ dân sự và không có yêu cầu gì.

Đối với số tiền nhận được từ chiếm đoạt của những người bị hại và tiền vay mượn, Lại Thị Mỹ T mua bất động sản, xe ô-tô gồm:

- Mua thửa đất số 573, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa của ông Nguyễn Xuân H2 trị giá 170.000.000 đồng *(một trăm bảy mươi triệu đồng)*.

- Mua trả góp 01 xe ô tô hiệu FORD ECOSPORT TITANIUM 1.5L AT biển kiểm soát 79A-292.68 trị giá 595.000.000 đồng *(năm trăm chín mươi lăm triệu đồng)*.

- Mua trả góp thửa đất số 3939, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa của ông Nguyễn Đức T3 với giá 800.000.000 đồng *(tám trăm triệu đồng)*.

- Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện K.

Do mất khả năng thanh toán tiền vay nên Lại Thị Mỹ T bán các tài sản trên để trả nợ, cụ thể:

Ngày 19/01/2023, Lại Thị Mỹ T bán xe hiệu FORD ECOSPORT TITANIUM 1.5L AT mang biển kiểm soát 79A-292.68 cho ông Nguyễn Văn T4 giá 500.000.000 đồng *(năm trăm triệu đồng).*

Ngày 08/02/2023, Lại Thị Mỹ T bán thửa đất số 3939 cho bà Trương Thị Kim Y với giá 800.000.000 đồng *(tám trăm triệu đồng).*

Ngày 08/02/2023, Lại Thị Mỹ T bán thửa đất số 135 cho bà Trần Vân L3 Phụng với giá 600.000.000 đồng *(sáu trăm triệu đồng).*

Ngày 15/2/2023, Lại Thị Mỹ T chuyển nhượng thửa đất số 573 cho bà Nguyễn Thị Như Ý để trả nợ một phần khoản vay của bà Ý.

Số tiền còn lại, T khai nhận làm rơi mất 1.000.000.000 đồng *(một tỷ đồng)* khi đến N và trả nợ cho một số cá nhân ngoài xã hội đã vay mượn trước đó, số tiền này không có tài liệu thể hiện, chứng minh.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 86/2025/HS-ST ngày 04/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lại Thị Mỹ T ***17 (Mười bảy) năm tù*** *về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/6/2024.*

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 213, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với các bị hại. Cụ thể: Bị cáo Lại Thị Mỹ T *có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại như sau:*

Bồi thường cho ông Nguyễn Văn K *số tiền 4.717.700.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).*

Bồi thường cho ông Trần Quế V *số tiền 2.786.620.000 đồng (hai tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).*

Bồi thường cho bà Lê Thị Tuyết N *số tiền 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà Nguyễn Tất T1, Nguyễn Thị Thái B, Huỳnh Thị L2, *Nguyễn Thị Như Ý,* Trần Thị L1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Ánh N1, Nguyễn Văn T4, Trương Thị Kim Y, Lê Văn E, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Vũ Hoàng N4, Nguyễn Xuân H3, Trần Vân Loan P, Trần Thanh N5 *vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.*

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Lại Thị Mỹ T *phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 120.034.320 đồng án phí dân sự sơ thẩm.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 19/9/2025, các bị hại Lê Thị Tuyết N, Nguyễn Văn K, Trần Quế V kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt với bị cáo, hủy thỏa thuận dân sự với bị cáo vì thỏa thuận chưa xác định rõ bị cáo T sử dụng vào việc gì số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của họ và ai đang quản lý số tiền này để truy thu buộc trả lại cho họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị hại Lê Thị Tuyết N, Nguyễn Văn K, Trần Quế V rút kháng cáo về yêu cầu tăng hình phạt với bị cáo, giữ nguyên phần kháng cáo yêu cầu hủy thỏa thuận dân sự với bị cáo vì thỏa thuận chưa xác định rõ bị cáo T sử dụng vào việc gì số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của họ và ai đang quản lý số tiền này để truy thu buộc trả lại cho họ.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần hình sự do các bị hại rút kháng cáo phần này, đối với kháng cáo còn lại của các bị hại đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần trách nhiệm hình sự, sau khi xét xử sơ thẩm các bị hại Lê Thị Tuyết N, Nguyễn Văn K, Trần Quế V kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt với bị cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại rút kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm phần trách nhiệm hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, quyết định của bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Lại Thị Mỹ T 17 năm tù về *"Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản",* thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2024 có hiệu lực pháp luật.

[2] Đối với phần kháng cáo của các bị hại yêu cầu hủy thỏa thuận dân sự với bị cáo vì thỏa thuận chưa xác định rõ bị cáo T sử dụng vào việc gì số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của họ và ai đang quản lý số tiền này để truy thu buộc trả lại cho họ, xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và các bị hại tự nguyện thỏa thuận việc bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền còn chiếm đoạt của các bị hại, sau khi trừ các khoản tiền bị cáo đã chuyển trả lại các bị hại. Xét, thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ, đúng pháp luật; các bị hại kháng cáo nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh số tiền bị cáo chiếm đoạt của họ, bị cáo chuyển cho ai nên không có căn cứ để cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

QUYẾT ĐỊNH:

I- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án về phần trách nhiệm hình sự do bị hại kháng cáo phần này đã rút kháng cáo.

Quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lại Thị Mỹ T 17 (mười bảy) năm tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2024 có hiệu lực pháp luật.

II- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 213, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với các bị hại, cụ thể bị cáo Lại Thị Mỹ T có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại như sau:

+ Bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 4.717.700.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Bồi thường cho ông Trần Quế V số tiền 2.786.620.000 đồng (hai tỷ bảy trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

+ Bồi thường cho bà Lê Thị Tuyết N số tiền 4.800.000.000 đồng (bốn tỷ tám trăm triệu đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà Nguyễn Tất T1, Nguyễn Thị Thái B, Huỳnh Thị L2, Nguyễn Thị Như Ý, Trần Thị L1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị Ánh N1, Nguyễn Văn T4, Trương Thị Kim Y, Lê Văn E, Nguyễn Đức T3, Nguyễn Vũ Hoàng N4, Nguyễn Xuân H3, Trần Vân Loan P, Trần Thanh N5 vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Lại Thị Mỹ T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 120.034.320 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, Phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân